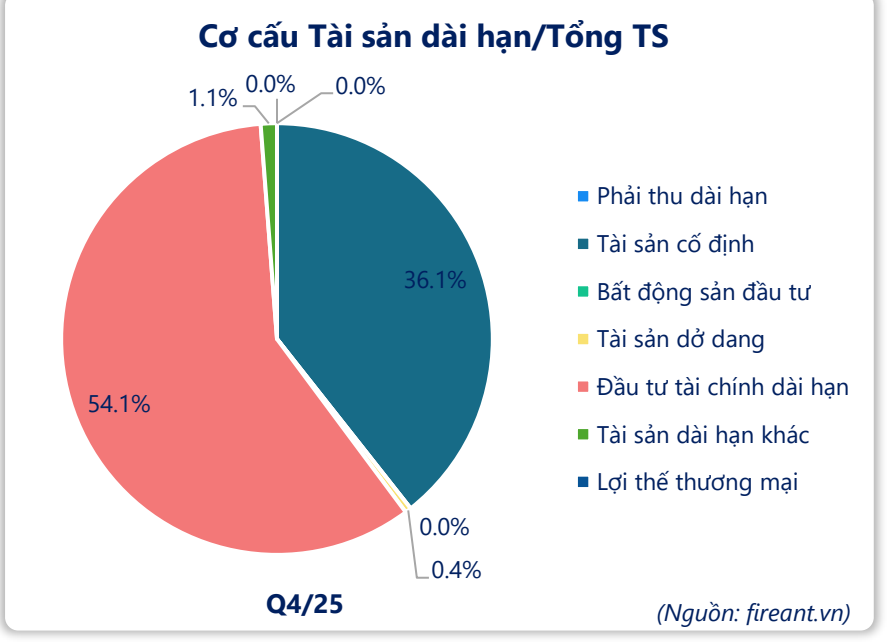
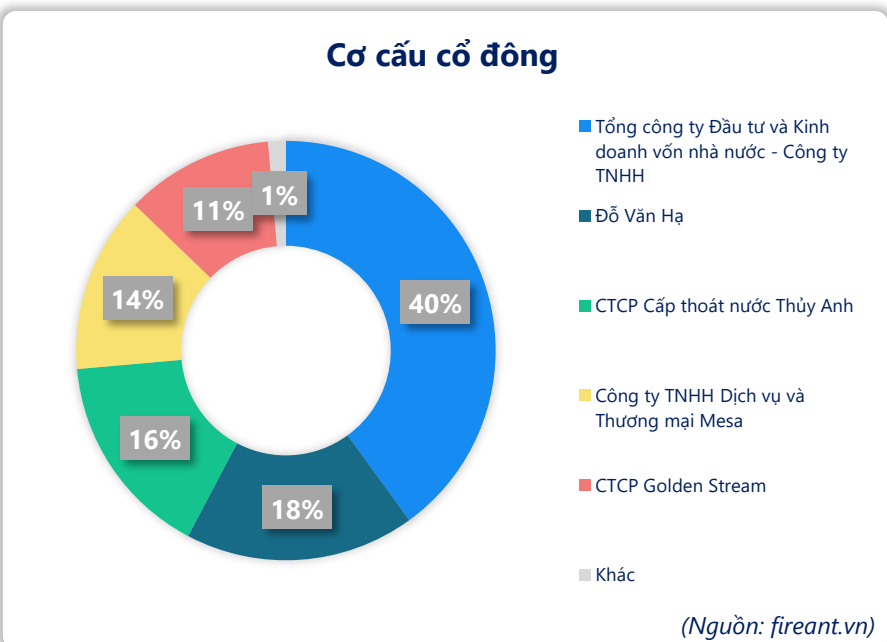
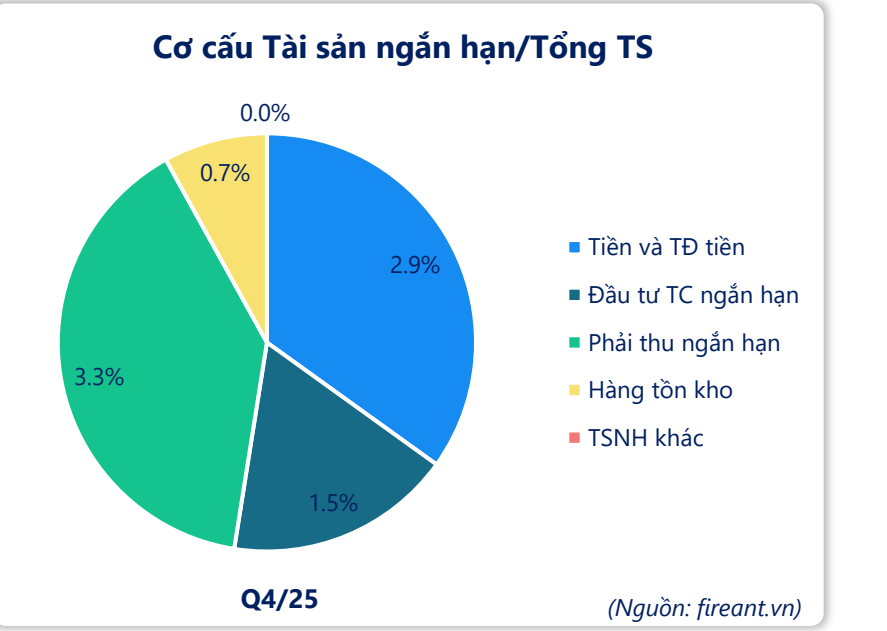
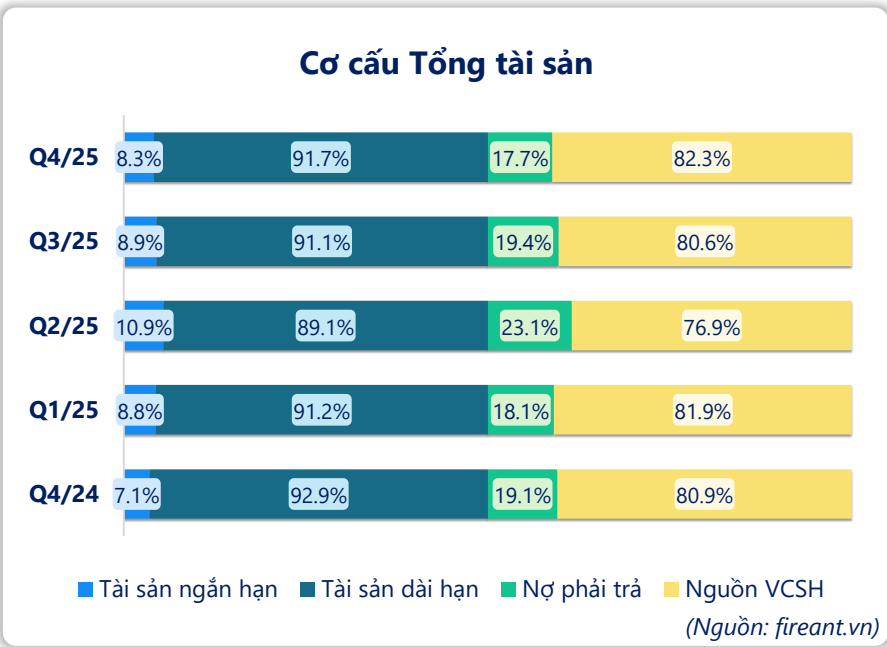
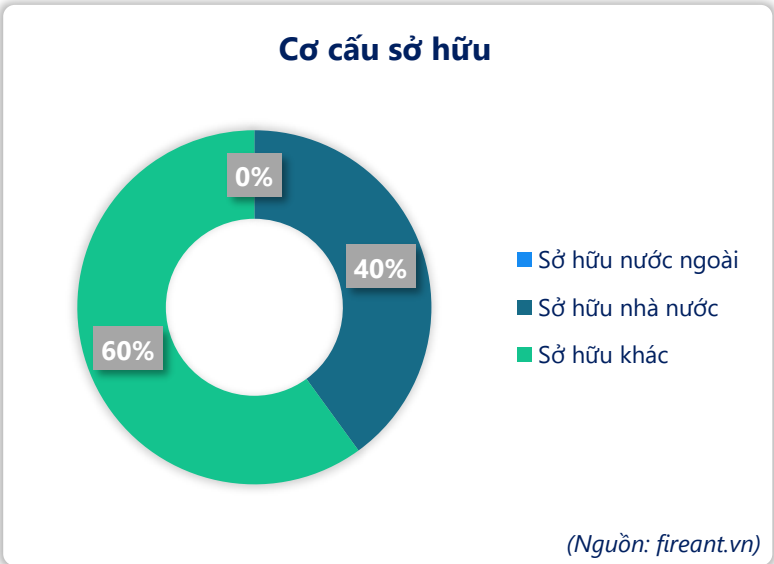
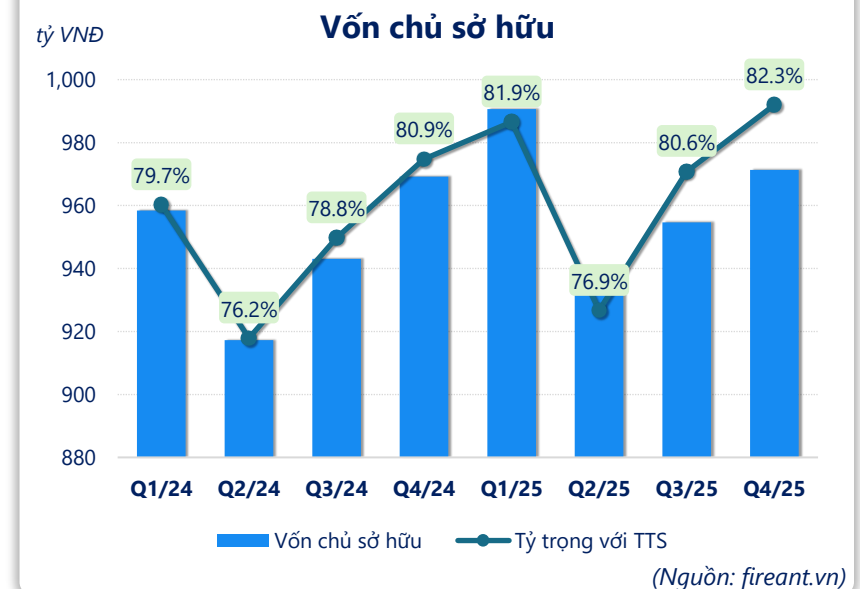
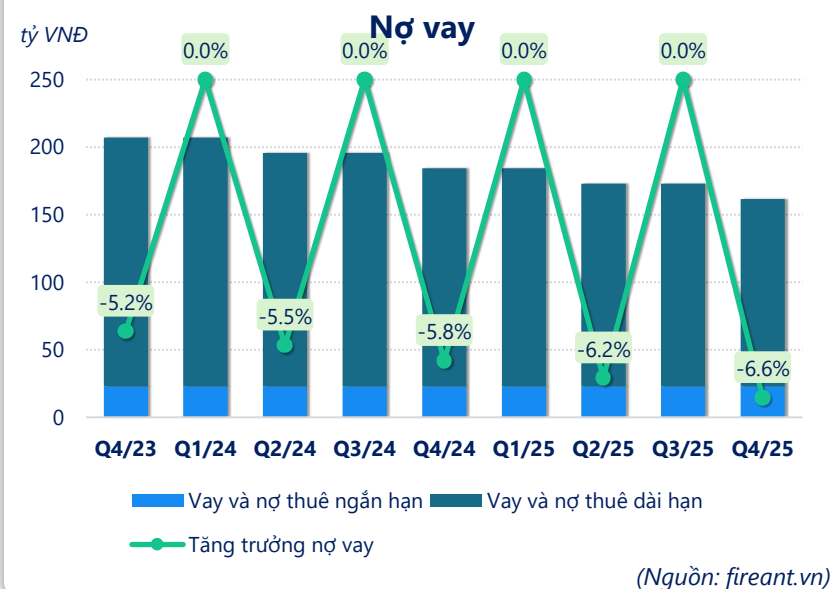
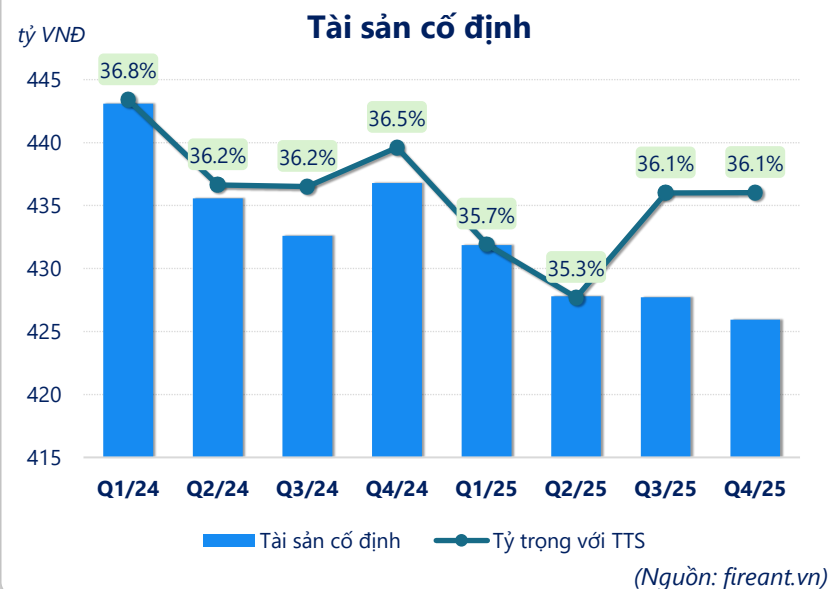
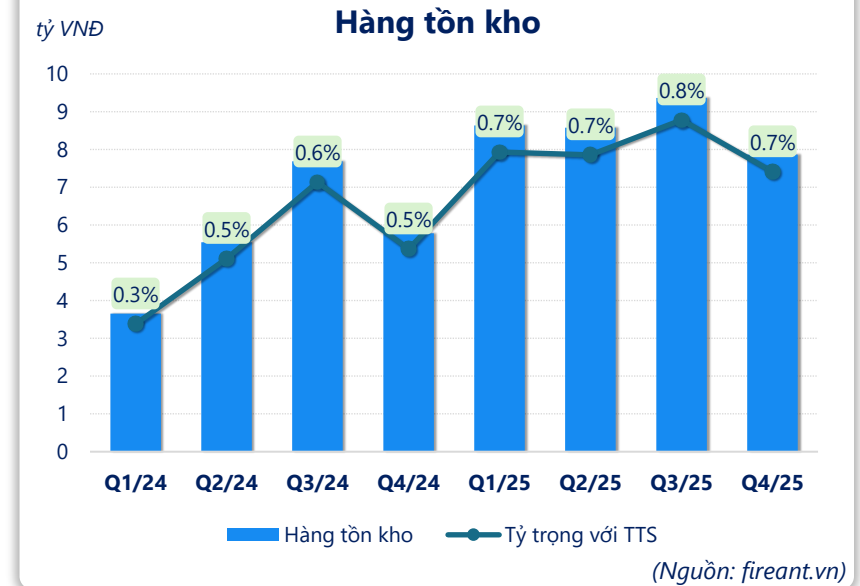
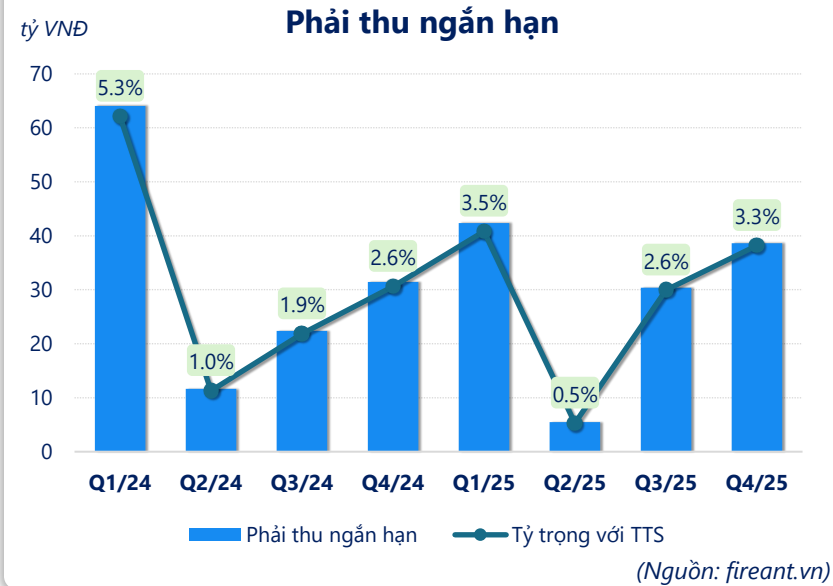
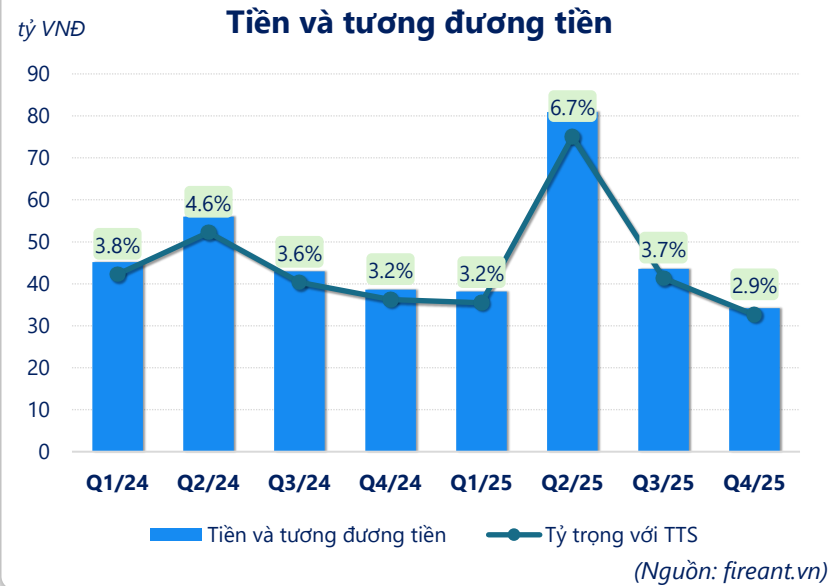
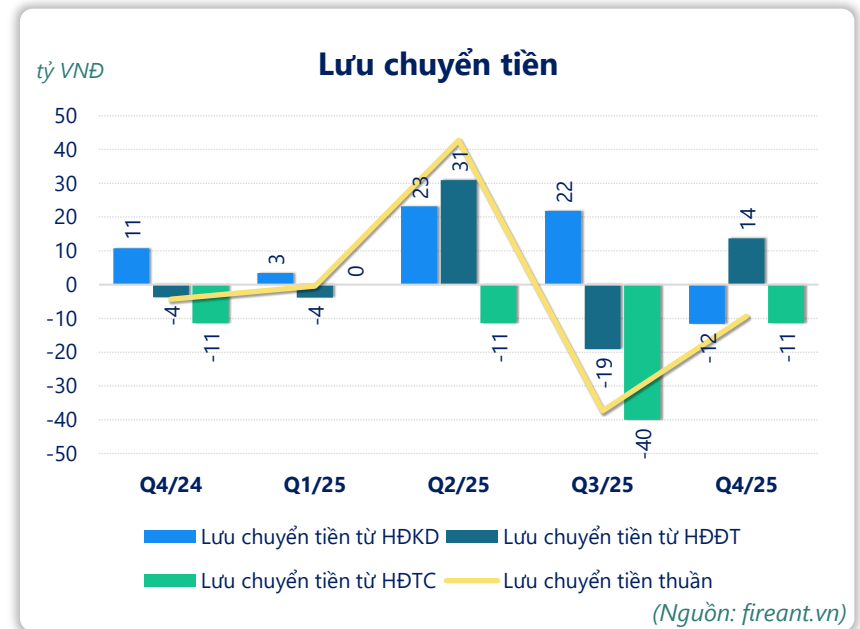
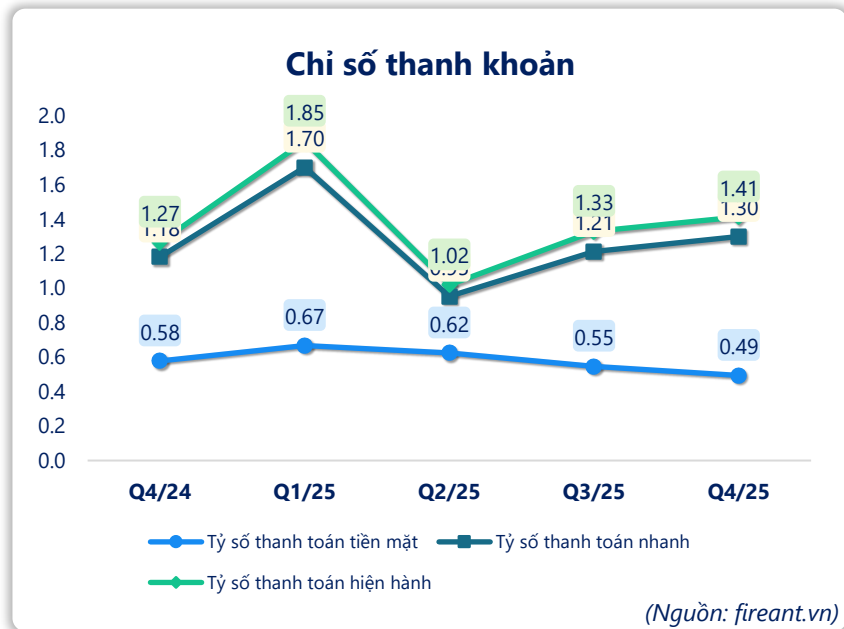
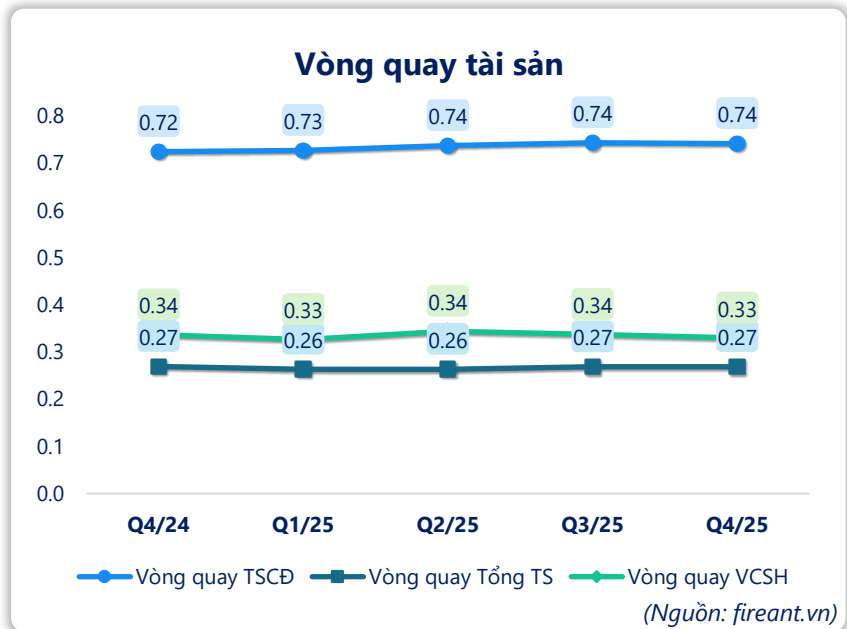
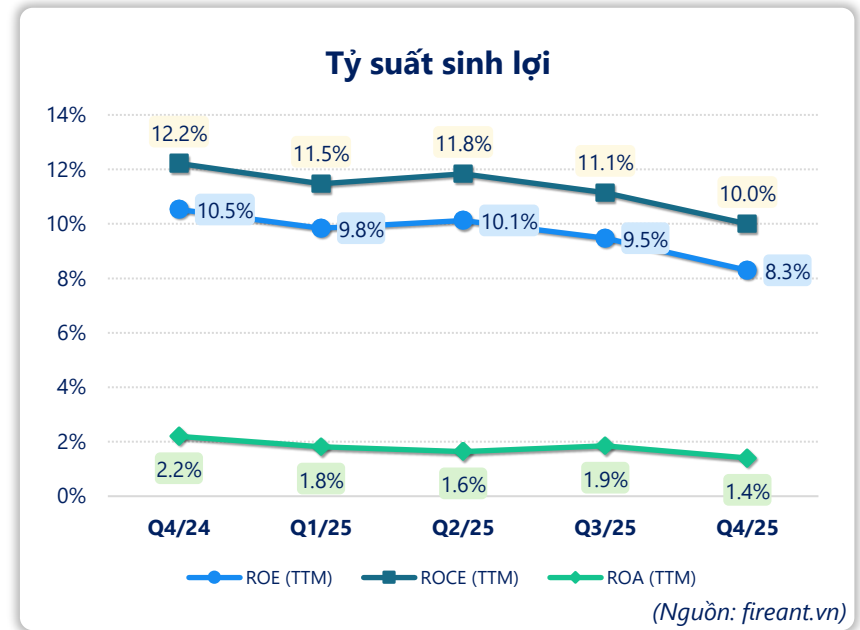
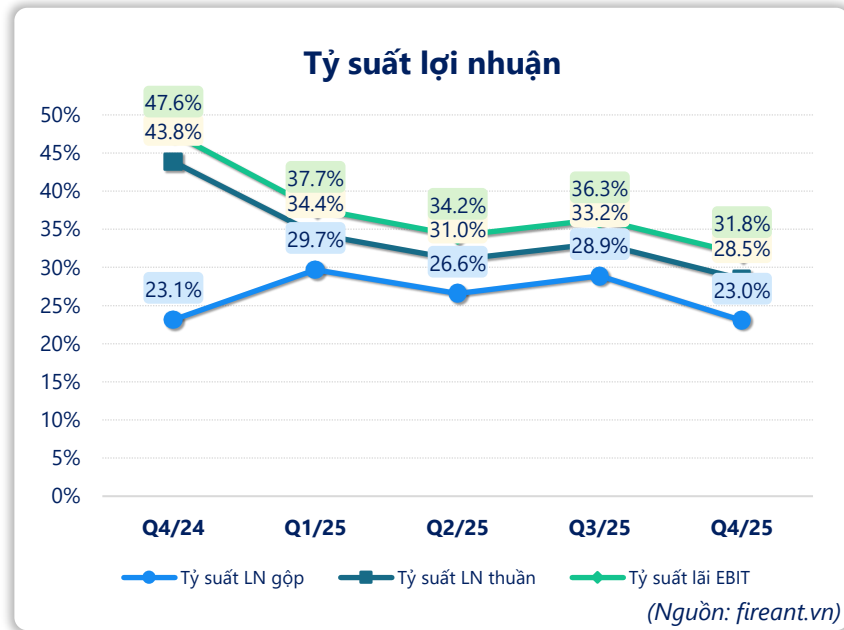
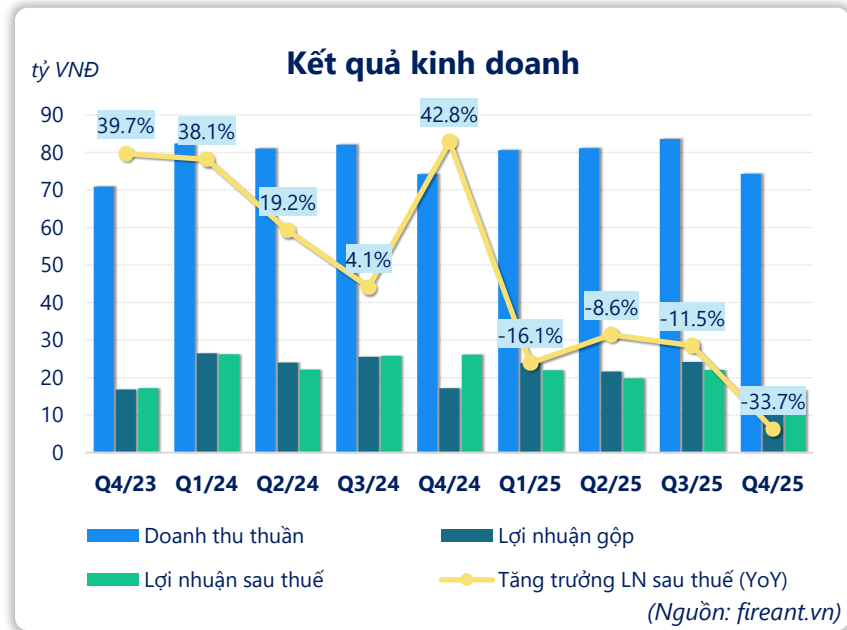


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		24,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		24,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		15,081
SL cổ phiếu LH		78,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		343,800
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,891
P/E		23.5
EPS		1,021

	YTD	1T	3T	6T
LDW	59.1%	14.3%	14.3%	13.7%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,180	1,198	-1.5%
Tài sản ngắn hạn	97.9	89.9	8.9%
Tiền và tương đương tiền	34.2	38.6	-11.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.2	13.8	24.3%
Phải thu ngắn hạn	38.6	29.8	29.4%
Hàng tồn kho	7.87	7.64	3.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	1,082	1,108	-2.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	426	437	-2.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.92	2.58	90.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	638	653	-2.3%
Tài sản dài hạn khác	13.1	15.3	-14.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	208	229	-9.0%
Nợ ngắn hạn	69.3	67.1	3.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	22.8	22.8	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	11.8	12.6	-5.9%
Nợ dài hạn	139	162	-14.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	139	161	-14.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	971	969	0.3%
Vốn chủ sở hữu	971	969	0.3%
Vốn điều lệ	788	788	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	74.2	80.6	81.1	83.6	74.3
Giá vốn hàng bán	57.0	56.6	59.6	59.4	57.2
Lợi nhuận gộp	17.2	23.9	21.6	24.1	17.1
Doanh thu HĐTC	25.4	11.7	11.8	12.0	12.0
Chi phí TC	3.03	2.90	2.81	2.77	2.69
Chi phí lãi vay	3.03	2.90	2.81	2.77	2.69
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.20	1.34	1.38	1.36	1.24
Chi phí QLDN	5.77	3.73	3.96	4.29	4.00
LN thuần từ HĐKD	32.5	27.7	25.2	27.7	21.2
Lợi nhuận khác	-0.27	-0.22	-0.28	-0.14	-0.24
LN trước thuế	32.3	27.5	24.9	27.6	20.9
Lợi nhuận sau thuế	26.1	21.9	19.8	22.0	16.7
LNST của CĐ cty mẹ	26.1	21.9	19.8	22.0	16.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	10.8	3.47	23.2	21.8	-11.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.71	-3.86	31.0	-19.1	13.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-11.4	0	-11.4	-40.1	-11.4
Tiền đầu kỳ	42.9	38.6	38.2	80.9	43.5
Lưu chuyển tiền thuần	-4.34	-0.39	42.7	-37.4	-9.36
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	38.6	38.2	80.9	43.5	34.2

(Nguồn: fireant.vn)